

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2024
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trà Minh Châu.

Ông Lê Hồng Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Gia Mẫn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Dương Hồng Thủy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Ấp A1, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ (có mặt);

- Bị đơn: Ông **Dương Hoàng A**, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:**

Vào năm 2012, bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Dương Hoàng A quen biết và tìm hiểu nhau, đến ngày 14/8/2012 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà Nguyễn Thị Thùy D chung sống hạnh phúc đến năm 2013. Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Thùy D có 01 người con chung tên Dương Chí T, sinh ngày 27/9/2012. Tuy nhiên đến ngày 10/6/2013 cháu đã chết do bệnh. Sau khi sinh con được 23 ngày thì ông Dương Hoàng A đã bỏ

mặc bà Nguyễn Thị Thùy D và con không quan tâm chăm sóc gia đình, bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã nên vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Hiện nay vợ chồng bà Nguyễn Thị Thùy D không có con chung cũng như không có tài sản chung và không có nợ chung. Nay bà Nguyễn Thị Thùy D cảm thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Bà Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Dương Hoàng A.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị Thùy D đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

- + Căn cước công dân Nguyễn Thị Thùy D (Chứng thực);
- + Giấy đăng ký kết hôn số 64, quyển số 01/2012 do UBND xã B cấp ngày 14/8/2012;
- + Giấy xác nhận cư trú;
- + Giấy ủy quyền;
- + Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải tại Tòa án.
- + Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.
- + Bản đối chiếu trích lục khai tử tên Dương Chí T, sinh ngày 27/9/2012.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Dương Hoàng A. Nhưng ông Dương Hoàng A thường xuyên không có mặt tại nhà. Qua kết quả xác minh, xác định ông Dương Hoàng A vẫn còn đăng ký thường trú tại Ấp G, xã H. Do đó việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông Dương Hoàng A không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Tại phiên tòa hôm nay,

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về hôn nhân yêu cầu ly hôn với ông Dương Hoàng A. Bà Nguyễn Thị Thùy D xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Dương Hoàng A vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy D đối với ông Dương Hoàng A. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 02/4/2024, bà Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Dương Hoàng A có nơi cư trú tại: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn ông Dương Hoàng A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương Hoàng A.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D về việc ly hôn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy D cùng ông Dương Hoàng A kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01/2012, ngày 14/8/2012. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Dương Hoàng A là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Nguyễn Thị Thùy D: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Dương Hoàng A quen biết và tìm hiểu nhau, đến ngày 14/8/2012 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà Nguyễn Thị Thùy D chung sống hạnh phúc đến năm 2013. Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Thùy D có 01 người con chung tên Dương Chí T, sinh ngày 27/9/2012. Tuy nhiên đến ngày 10/6/2013 cháu đã chết do bệnh. Sau khi sinh con được 23 ngày

thì ông Dương Hoàng A đã bỏ mặc bà Nguyễn Thị Thùy D và con không quan tâm chăm sóc gia đình, bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã nên vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, ông Dương Hoàng A không có ý kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà Nguyễn Thị Thùy D đã xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng bà Nguyễn Thị Thùy D, ông Dương Hoàng A hàn gắn tình cảm, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Dương Hoàng A đều vắng mặt. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy D cho bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với ông Dương Hoàng A.

[2.3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Dương Hoàng A có một người con chung nhưng đã chết và hiện nay không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ông Dương Hoàng A không phải chịu án phí sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Nguyễn Thị Thùy D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Dương Hoàng A có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với ông Dương Hoàng A.

2/ Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Dương Hoàng A có một người con chung nhưng đã chết và hiện nay không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003272, ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Ông Dương Hoàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thùy D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và ông Dương Hoàng A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã B, C, TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Thái Ngọc